

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 9 – ĐẮK LẮK
Bản án số: 17/2025/HNGĐ-ST
Ngày 16 tháng 9 năm 2025
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Tú Huân, ông Trần Hữu Linh

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Công Đức, là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Đắk Lắk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Đắc Lắc tham gia phiên tòa:
Ông Phan Đình Toàn - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2025/TLST–HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2025 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2025/QĐXXST–HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2025 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2025/QĐST – HNGĐ, ngày 28 tháng 8 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Ngọc Như T, sinh năm 1999 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Hẻm 1075, đường Bùi Hữu N, phường Biên H, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Anh Lê Văn Q, sinh năm 1990 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 10, xã Ea K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Ngọc Như T bày tóm tắt:

Chị với anh Lê Văn Q là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 25 tháng 5 năm 2020, tại Ủy ban nhân dân xã Xuân M, huyện Cẩm M, tỉnh Đồng Nai. Anh chị có 01 con chung là Lê Nguyễn Đăng K, sinh ngày 01 tháng 11 năm 2018. Trong quá trình chung sống, anh chị có quá nhiều mâu thuẫn, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau dẫn đến tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Q. Về con chung: Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng giao con chung cho anh Q nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Còn về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Giấy chứng nhận kết hôn số 30/2020 ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân xã Xuân M, huyện Cẩm M, tỉnh Đồng Nai chứng nhận:

Chị Nguyễn Ngọc Như T, sinh năm 1999 và anh Lê Văn Q, sinh năm 1990 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân M, huyện Cẩm M, tỉnh Đồng Nai ngày 25 tháng 5 năm 2020.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Khẳng định Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án và xin xét xử vắng mặt, còn bị đơn mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần 2.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chấp nhận nội dung khởi kiện của chị T, cho chị T ly hôn với anh Q. Về con chung: Giao cho anh Q nuôi dưỡng tới tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thụ lý vụ án:

+ Chị T và anh Q là vợ chồng (Có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật). Hiện nay, chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con. Như vậy quan hệ pháp luật ở đây là: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

+ Chị T khởi kiện và có nộp tiền tạm ứng án phí. Khi chị T khởi kiện, anh Q có hộ khẩu thường trú ở huyện Ea H, tỉnh Đắk Lắk, vì vậy Tòa án nhân dân huyện Ea H, tỉnh Đắk Lắk (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Đắk Lắk) căn cứ vào các Điều 35; 39; khoản 3 Điều 195 của BLTTDS để thụ lý vụ án.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không hòa giải được. Chị T xin vắng mặt, còn anh Q đã được Tòa án triệu tập nhưng vẫn vắng mặt vì vậy Tòa án căn cứ Điều 227 của BLTTDS tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[3]. Về nội dung quan hệ pháp luật có tranh chấp:

Đối với yêu cầu khởi kiện của chị T, thì Hội đồng xét xử xét thấy:

+ Về quan hệ hôn nhân:

Trong thời kỳ hôn nhân, chị T và anh Q phát sinh mâu thuẫn dẫn đến anh chị không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, anh Q nhận được văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không hợp tác nên không ghi nhận được ý kiến. Hiện

nay, anh chị không còn ở chung. Vì vậy chị T khởi kiện là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện tại của anh chị, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, cho chị T ly hôn với anh Q.

+ Về con chung:

Sau khi ly hôn, chị T có nguyện vọng giao con chung cho anh Q nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án, anh Q không có mặt nên không ghi nhận được ý kiến, vì vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T và quan điểm của Viện kiểm sát, giao con chung cho anh Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn anh Q vắng mặt không ghi nhận được ý kiến, nên không xem xét. Anh Q có quyền khởi kiện yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết vì vậy HĐXX không xem xét.

[4]. Về án phí: Vì đây là vụ án ly hôn, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, thì nguyên đơn (Chị T) vẫn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc Như T về việc yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con.

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Ngọc Như T ly hôn với anh Lê Văn Q.

+ Về con chung: Giao cháu Lê Nguyễn Đăng K, sinh ngày 01 tháng 11 năm 2018 cho anh Lê Văn Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Chị Nguyễn Ngọc Như T có quyền, nghĩa vụ chăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp chị T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, thì anh Q có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị T.

2. Về án phí:

Chị Nguyễn Ngọc Như T phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn. Được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0002620 ngày 21 tháng 02 năm 2025.

3. Về quyền và thời hạn kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Khu vực 9 – Đắk Lắk;
- UBND xã Cầm M, tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đỗ Văn Dũng